

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-PT
Ngày: 24/5/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Công Đồng.

Ông Hoàng Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 và 24/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số: 22/2018/DSST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2019/QĐ-PT ngày 09/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà N, đường B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà N, đường B, thị trấn

G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Vũ Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày: Ngày 29/4/2013 (ngày 20/3/2013 âm lịch) bà có cho ông T1 vay số tiền 20.000.000đ, hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền nhưng không ghi thời hạn vay và lãi suất. Từ khi vay đến nay mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng ông T1 không trả số tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T1 trả bà số tiền gốc đã vay là 20.000.000đ, bà không yêu cầu lãi.

Bị đơn ông Vũ Văn T1 trình bày: Ông không đồng ý với việc khởi kiện của bà T, bởi theo giấy biên nhận bà T xuất trình cho Tòa án do hai bên lập ngày 20/3/2013 thì mặc dù ông có ký vào bên vay nhưng sau đó giữa ông và bà T đã thống nhất bỏ tờ giấy này đi và tờ giấy này không còn giá trị nữa nhưng ông không hiểu sao bà T vẫn giữ và lấy tờ giấy này đi kiện ông. Khi lập giấy vay tiền ngày hôm đó có sự chứng kiến của bà T2 là vợ ông và ông Q chồng bà T. Số tiền 20.000.000đ này thực chất là tiền chênh lệch giữa lãi ngày với lãi ngân hàng mà ông phải trả cho bà T trong một hợp đồng vay tiền khác giữa ông và bà T. Số tiền theo hợp đồng vay tiền khác là 254.000.000đ cả gốc và lãi, tuy nhiên ông không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Ngoài ra, trong giấy biên nhận ngày 20/3/2013 âm lịch giữa ông và bà T ông nhận thấy bị tẩy xóa chữ “cho” trong mục người cho vay tiền. Việc tẩy xóa này là sau thời điểm bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Trước đó bà T đã khởi kiện ông về việc này sau đó bà T lại rút đơn. Để chứng minh cho lời trình bày của mình về việc này ông đã nộp cho Tòa án một số tài liệu để chứng minh. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Việc lập giấy vay tiền ngày 20/3/2013 âm lịch đúng như ông T1 trình bày là có sự chứng kiến của bà và ông Q chồng bà T. Giấy biên nhận vay tiền lập ngày 20/3/2013 âm lịch giữa ông T1 và bà T hai bên đã thống nhất bỏ đi và không còn giá trị nữa.

Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông không chứng kiến việc lập giấy biên nhận vay tiền ngày 20/3/2013 giữa bà T và ông T1.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 471; 474; 477 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Buộc ông Vũ Văn T1 phải có nghĩa vụ trả bà Trịnh Thị T 20.000.000đ tiền vay theo hợp đồng vay tiền ngày 20/3/2013 âm lịch.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2018, ông Vũ Văn T1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trịnh Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Vũ Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận ông Vũ Văn T1 đề nghị Tòa án xem xét về giấy vay 20/3/2013 là do ông viết và ký nhưng đó là tiền lãi của khoản vay khác.

Bà Trịnh Thị T khẳng định ông T1 vay bà số tiền 20.000.000đ, còn trong giấy vay ông T1 viết là tiền lãi bà đã yêu cầu ông xóa nhưng ông T1 không xóa, tuy nhiên cũng không ảnh hưởng đến việc trả nợ của ông T1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn T1, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 20/3/2013 âm lịch, ông Vũ Văn T1 có viết một giấy biên nhận vay tiền của bà Trịnh Thị T. Theo nội dung giấy biên nhận thì ông T1 vay của bà T số tiền 20.000.000đ, hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất. Như vậy có thể khẳng định giữa ông T1 và bà T có xác lập một hợp đồng vay tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, theo bà T trình bày thì bà đã đòi nhiều lần

nhưng ông T1 không trả, bà xác định số tiền 20.000.000đ là tiền ông T1 vay chứ không phải là tiền lãi. Phía ông T1 cho rằng đây là khoản tiền chênh lệch giữa lãi ngày với lãi ngân hàng mà ông phải trả cho bà T trong một hợp đồng vay tiền khác giữa ông và bà T nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Tuy nhiên, ông T1 thừa nhận chữ ký và viết vào giấy biên nhận vay tiền ngày 20/3/2013 âm lịch. Người làm chứng là bà Nguyễn Thị T2 cũng không đưa ra được căn cứ để bác bỏ khoản vay 20.000.000đ của ông T1 với bà T. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử buộc ông Vũ Văn T1 phải trả cho bà Trịnh Thị T số tiền 20.000.000đ là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T1.

Về án phí: Ông Vũ Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 471; 474; 477 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc ông Vũ Văn T1 phải có nghĩa vụ trả bà Trịnh Thị T 20.000.000đ theo hợp đồng vay tiền giữa hai bên lập ngày 20/3/2013 (âm lịch).

Về án phí: Ông Vũ Văn T1 phải chịu 1.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông T1 đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001481, ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Hoàn trả bà Trịnh Thị T 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001420 ngày 24/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tính